

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: 1/ Chị Tổng Thị P - sinh năm 1980

Địa chỉ: SN 32 đường Lương T, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh T.

2/ Anh Không Văn H - sinh năm 1976

Địa chỉ: SN 32 đường Lương T, khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Tổng Thị P và anh Không Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ(nay là xã Đ, Thành phố T), tỉnh T năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng không hoà hợp về tính cách và lối sống, không có tiếng nói chung, không yêu thương và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn không thể khắc phục được nên cuộc sống vợ chồng không hoà thuận, không vui vẻ, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, hai bên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Tổng Thị P và anh Không Văn H.

[2] Về con chung: Vợ chồng 02 con chung: Cháu đầu tên là Khổng Minh D (nam) sinh ngày 10/12/2003, cháu thứ hai tên là Khổng Gia Do (nam) sinh ngày 24/3/2014. Vợ chồng thoả thuận giao cháu D cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu D đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn: Lệ phí Ly hôn sơ thẩm chị Tống Thị P và anh Khổng Văn H mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thoả thuận chị Phan nộp thay lệ phí ly hôn cho anh H.

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị P và anh Khổng Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng 02 con chung: Cháu đầu tên là Khổng Minh D (nam) sinh ngày 10/12/2003, cháu thứ hai tên là Khổng Gia D (nam) sinh ngày 24/3/2014. Vợ chồng thoả thuận giao cháu D cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Khổng Minh D đã đến tuổi thành niên nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tổng Thị P và anh Không Văn H mỗi người nộp 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận chị P nộp thay lệ phí ly hôn cho anh H được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bim Sơn, theo biên lai thu số: 0004493 ngày 21/02/2024. Như vậy, chị P, anh H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Bim Sơn;
 - Đương sự;
 - UBND xã Đ,
- Thành phố T (ĐK 2002);
- Chi cục Thi hành án Bim Sơn;
 - Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TỔNG THỊ HÀ

